TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiển.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm.
Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXX-ST ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị A, sinh ngày 07/4/1995 (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 25/8/1997 (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị B, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Đều thường trú: thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị A, anh Q hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị A, anh Q ủy quyền cho chị Chu Thị P, sinh năm 1980; Nơi thường trú: tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án. Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn chị Đoàn Thị A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu Q được tự do tìm hiểu, chung sống như vợ chồng từ năm 2020 tại Đài Loan. Quá trình tìm hiểu, chung sống như vợ chồng chị có thai sau đó về nước sinh con. Do thời điểm tìm hiểu, sinh dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp nên anh, chị chưa tổ chức lễ cưới hỏi và đăng ký kết hôn được nhưng hai bên gia đình đã gặp mặt thống nhất sau khi hết dịch bệnh sẽ tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn. Ngày 08/02/2023 anh, chị được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Q làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Sau khi kết hôn khoảng 01 tháng vợ chồng cùng quay lại Đài Loan làm việc. Sang Đài Loan vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn, anh chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con cái nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ giữa tháng 12/2023 đến nay chị và anh Q không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 28/5/2021. Sau khi kết hôn anh, chị cùng sang Đài Loan làm việc nên con để ở nhà cho bà Trần Thị B (bà nội) chăm sóc nuôi dưỡng. Do chị chưa về nước sinh sống nên chị đề nghị giao cháu D cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Trần Thị B (bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Hữu Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giống như chị A trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Đoàn Thị A.

Về con chung: Anh và chị Đoàn Thị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 28/5/2021. Sau khi kết hôn anh, chị cùng sang Đài Loan làm việc nên con để ở nhà cho bà Trần Thị B (bà nội) chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Trần Thị B (bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày:

Về hôn nhân của chị A, anh Q bà cho biết: Quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như chị A, anh Q trình bày.

Về con chung: Chị A, anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 28/5/2021, hiện nay đang sinh sống cùng bà, anh Q. Cháu D sinh sống cùng bà từ khi anh Q, chị A đi lao động nước ngoài cho đến nay. Bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho đến khi anh Q về nước sinh sống. Bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D từ trước cho đến nay vừa là quyền cũng như nghĩa vụ của ông bà đối với cháu nên không yêu cầu chị A, anh Q phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Anh Q vẫn cấp dưỡng hàng tháng để bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D.

Về tài sản chung, công nợ chung của chị A, anh Q: Không có.

Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị A, anh Nguyễn Hữu Q, bà Trần Thị B vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Đoàn Thị A; Bản tự khai của anh Nguyễn Hữu Q; Bản tự khai của bà Trần Thị B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Đoàn Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Hữu Q và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị A là nguyên đơn, anh Q là bị đơn hiện đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang và đều đang lao động tại Đài Loan. Do đó, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị A và anh Nguyễn Hữu Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị A khởi kiện xin ly hôn anh Q.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh Q, Hội đồng xét xử thấy: Chị A, anh Q đều xác định anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 12/2023 đến nay anh, chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân nhau. Mặc dù trong thời gian mẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh Q, chị A không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A với anh Q là hoàn toàn phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 28/5/2021. Hiện nay cháu cháu D đang sinh sống cùng bà B, anh Q. Sau khi ly hôn, chị A đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà B (bà nội) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về Việt Nam sinh sống.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị A sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi anh Q, chị A đi lao động nước ngoài, cháu D vẫn sinh sống ổn định cùng bà B, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Bà B đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D cho anh Q cho đến khi anh Q về nước sinh sống. Mặt khác, anh Q, chị A đều đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất trẻ nhỏ, tránh xáo trộn trong cuộc sống Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu D cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước sinh sống là phù hợp với thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn chị Đoàn Thị A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Đoàn Thị A có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết do anh Q, chị A, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do anh Q, chị A, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9]. Về án phí: Chị Đoàn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Chị Đoàn Thị A, anh Nguyễn Hữu Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị A được ly hôn Anh Nguyễn Hữu Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 28/5/2021 cho anh Nguyễn Hữu Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu D cho bà Trần Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị Đoàn Thị A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001220 ngày 31/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đoàn Thị A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đoàn Thị A, anh Nguyễn Hữu Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Bà Trần Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Hiển